

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 50/Daesang/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương

Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

E-mail: daesang.rd@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 2600109933-009

Giấy chứng nhận FSSC 22000 số: VN20/00088 ngày chứng nhận 17/3/2020 do SGS United Kingdom Ltd cấp. Được gia hạn từ ngày 17/03/2026 có hiệu lực đến ngày 16/03/2029.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SÓT LẤU HOÀN CHÍNH LẤU THẬP CẨM

2. Thành phần: Nước, rau củ tươi (18,5%) (hành tây, sả, tỏi, cà chua, riềng, gừng), đường mạch nha, muối, đường, đường ngô HFCS, nước mắm (cá, muối), chất làm dày (INS1422, INS415), dầu cọ, chiết xuất gà (1,72%) (thịt gà, hành, chất điều vị (INS640)), chiết xuất hành tây (maltodextrin, chiết xuất hành tây), chất điều vị (INS621, INS631, INS627), nấm hương, chiết xuất bắp (bắp ngọt tươi, maltodextrin), chất bảo quản (INS202, INS211), tiêu, chất tạo màu tự nhiên (INS160c(i)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Thời hạn sử dụng: 12 tháng.

+ Ngày sản xuất (NSX): được in trên bao bì sản phẩm.

+ Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bao bì: phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế.

+ Chất liệu: PET//AL//PA//RCPE, PET, thủy tinh/sắt tây hoặc các chất liệu khác phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định của bộ Y tế.

+ Bao bì ngoài: hộp carton

+ Quy cách bao gói: 45 g, 50 g, 70 g, 80 g, 100 g, 120 g, 180 g, 200 g, 220 g, 240 g, 250 g, 270 g, 300 g, 310 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg, 10 kg hoặc các quy cách theo yêu cầu của khách hàng.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM.

Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương.

Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm; Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm
- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 50:2026/DAESANG

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.



Hải Phòng, ngày 08 tháng 05 năm 2026

Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
PARK JUNGIL**

Hải Phòng, ngày 08 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ban hành ngày 16 tháng 01 năm 2026 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN ban hành ngày 18 tháng 11 năm 2021 về Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ nhu cầu hoạt động, sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Daesang Việt Nam;

Theo đề nghị của đại diện lãnh đạo về chất lượng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 50:2026/DAESANG**

Điều 2. Công bố việc áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở nói trên cho sản phẩm **SÓT LẤU HOÀN CHỈNH LẤU THẬP CẨM** do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, thực hiện, theo dõi, cập nhật, đảm bảo sản phẩm **SÓT LẤU HOÀN CHỈNH LẤU THẬP CẨM** do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh phù hợp với yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn cơ sở nói trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các phòng ban công ty;
- Lưu: VT/R&D.



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
PARK JUNGIL**

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM
TẠI HẢI DƯƠNG**

TCCS 50:2026/DAESANG

Lần ban hành: 01

Lần sửa đổi: 00



SỐT LẤU HOÀN CHỈNH LẤU THẬP CẨM

HẢI PHÒNG - 2026



TCCS 50:2026/DAESANG

SÓT LẤU HOÀN CHỈNH LẤU THẬP CẨM

| Nội dung | Biên soạn | Soát xét |
|-------------------|---|---|
| Họ và tên: | Nguyễn Thu Phương | Nguyễn Thị Thu Thương |
| Chức danh: | Nhân viên R&D | Đội trưởng R&D |
| Chữ ký: |  |  |

Hải Phòng, ngày 08 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
PARK JUNGIL**

Mục lục

| | | |
|---|-----------------------------------|---|
| 1 | Phạm vi áp dụng..... | 3 |
| 2 | Tài liệu viện dẫn..... | 3 |
| 3 | Yêu cầu kỹ thuật..... | 3 |
| | 3.1. Yêu cầu cảm quan..... | 3 |
| | 3.2. Yêu cầu về lý – hóa..... | 3 |
| | 3.3. Chỉ tiêu dinh dưỡng..... | 4 |
| 4 | Yêu cầu về an toàn thực phẩm..... | 4 |
| | 4.1. Chỉ tiêu vi sinh vật..... | 4 |
| | 4.2. Chỉ tiêu độc tố vi nấm..... | 5 |
| | 4.3. Dư lượng kim loại nặng..... | 5 |
| | 4.4. Phụ gia thực phẩm..... | 5 |
| 5 | Bao gói, ghi nhãn, bảo quản..... | 6 |
| | 5.1. Bao gói..... | 6 |
| | 5.2. Ghi nhãn..... | 6 |
| | 5.3. Bảo quản..... | 6 |

Lời nói đầu

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 50:2026/DAESANG do Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương phê duyệt ban hành theo Quyết định số 50/2026/QĐ-DAESANG

Trong quá trình áp dụng, Tiêu chuẩn này có thể được sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ cho phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ phải tuân thủ quy định về kiểm soát tài liệu của Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định áp dụng cho sản phẩm **SÓT LẦU HOÀN CHÍNH LẦU THẬP CẨM** do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh.

2. Tài liệu viện dẫn:

Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về *Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa*

Thông tư 24/2019/TT-BYT, *Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm*; Thông tư 17/2023/TT-BYT, *Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm*

QCVN 8-1:2011/BYT, *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm*

QCVN 8-2:2011/BYT, *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm*

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu cảm quan:

Các yêu cầu cảm quan đối với sản phẩm **SÓT LẦU HOÀN CHÍNH LẦU THẬP CẨM** được quy định trong Bảng 1.

Bảng 1 – Yêu cầu cảm quan

| Chỉ tiêu | Yêu cầu |
|---------------|---|
| 1. Trạng thái | Dạng sốt, sánh. |
| 1. Màu sắc | Màu vàng cam nhạt đến cam đậm đặc trưng của sản phẩm. |
| 2. Mùi, vị | Mùi, vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ. |

3.2 Yêu cầu về lý - hóa

Các yêu cầu về lý - hóa đối với sản phẩm **SÓT LẦU HOÀN CHÍNH LẦU THẬP CẨM** được quy định trong Bảng 2.

Bảng 2 – Yêu cầu về lý - hóa

| Tên chỉ tiêu | Mức |
|--------------------------|----------------|
| 1. pH | Từ 4,5 đến 6,2 |
| 2. Muối (NaCl), % | Từ 8 đến 15 |
| 3. Hàm lượng chất khô, % | Từ 40 đến 60 |

3.3 Chỉ tiêu dinh dưỡng

Các chỉ tiêu dinh dưỡng đối với sản phẩm **SỐT LẨU HOÀN CHỈNH LẨU THẬP CẨM** được quy định trong Bảng 3.

Bảng 3 – Chỉ tiêu dinh dưỡng

| Tên chỉ tiêu | Mức |
|------------------------------------|--------------------|
| 1. Năng lượng, kcal/100g | Từ 111,6 đến 167,4 |
| 2. Carbohydrat, g/100g | Từ 22,72 đến 34,1 |
| 3. Chất đạm, g/100g | Từ 1,3 đến 2,16 |
| 4. Chất béo, g/100g, không lớn hơn | 4 |
| 5. Natri, mg/100g, không lớn hơn | 5953 |
| 6. Đường tổng, g/100g | Từ 9,68 đến 16,13 |

4 Yêu cầu về an toàn thực phẩm

4.1 Chỉ tiêu vi sinh vật

Các chỉ tiêu vi sinh vật đối với sản phẩm **SỐT LẨU HOÀN CHỈNH LẨU THẬP CẨM** được quy định trong Bảng 4.

Bảng 4 – Chỉ tiêu vi sinh vật

| Tên chỉ tiêu | Mức |
|---|-----------------|
| 1. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/g, không lớn hơn | 10^4 |
| 2. Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc, CFU/g, không lớn hơn | 10^2 |
| 3. Coliforms, CFU/g, không lớn hơn | 10^2 |
| 4. E.Coli, MPN/g, không lớn hơn | 3 |
| 5. S.aureus, CFU/g, không lớn hơn | 10^2 |
| 6. Salmonella spp., /25g | Không phát hiện |

4.2 Chỉ tiêu độc tố vi nấm

Các chỉ tiêu độc tố vi nấm đối với sản phẩm **SÓT LẬU HOÀN CHỈNH LẬU THẬP CẨM** được quy định trong Bảng 5.

Bảng 5 – Chỉ tiêu độc tố vi nấm

| Tên chỉ tiêu | Mức |
|---|-----|
| 1. Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2), $\mu\text{g}/\text{kg}$, không lớn hơn | 10 |
| 2. Ochratoxin A, $\mu\text{g}/\text{kg}$, không lớn hơn | 30 |
| 3. Aflatoxin B1, $\mu\text{g}/\text{kg}$, không lớn hơn | 5 |

4.3 Dư lượng kim loại nặng

Các chỉ tiêu kim loại nặng đối với **SÓT LẬU HOÀN CHỈNH LẬU THẬP CẨM** được quy định trong Bảng 6.

Bảng 6 – Dư lượng kim loại nặng

| Tên chỉ tiêu | Mức |
|--|------|
| 1. Chì (Pb), mg/kg , không lớn hơn | 2 |
| 2. Cadimi (Cd), mg/kg , không lớn hơn | 1 |
| 3. Arsen (As), mg/kg , không lớn hơn | 1 |
| 4. Thủy ngân (Hg), mg/kg , không lớn hơn | 0,05 |

4.4 Phụ gia thực phẩm

Các yêu cầu phụ gia thực phẩm đối với sản phẩm **SÓT LẬU HOÀN CHỈNH LẬU THẬP CẨM** được quy định trong Bảng 7.

Bảng 7 – Phụ gia thực phẩm

| Tên chỉ tiêu | Mức |
|--|------|
| 1. Sodium benzoat (INS 211), mg/kg , không lớn hơn | 1000 |
| 2. Kali sorbat (INS 202), mg/kg , không lớn hơn | 1000 |

5 Bao gói, ghi nhãn, bảo quản

5.1 Bao gói

Sản phẩm phải được đóng gói trong bao bì phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế.

Quy cách bao gói: 45 g, 50 g, 70 g, 80 g, 100 g, 120 g, 180 g, 200 g, 220 g, 240 g, 250 g, 270 g, 300 g, 310 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg, 10 kg hoặc các quy cách theo yêu cầu của khách hàng.

5.2 Ghi nhãn

Nhãn sản phẩm **SỐT LẪU HOÀN CHÍNH LẪU THẬP CẨM** được ghi trên bao bì theo quy định tại nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

5.3 Bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Dùng hết sau khi đã mở bao bì.





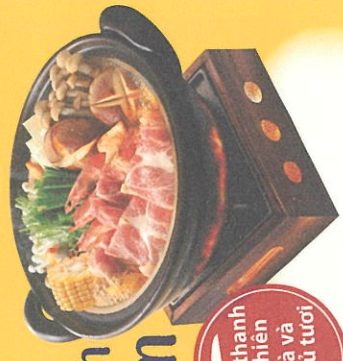
Sốt Lẩu Hoàn Chỉnh Lẩu Thập Cẩm Mixed Hotpot

**Ngọt thanh
tự nhiên
từ gà và
rau củ tươi**



**Khối lượng tịnh: 180 g
(Cho 5-6 người ăn)**

Ảnh minh họa
“Mạnh gọn để dành” ngon chuẩn nhà hàng



**Ngọt thanh
tự nhiên
từ gà và
rau củ tươi**

Sốt Lẩu Hoàn Chỉnh Lẩu Thập Cẩm Mixed Hot Pot

Thành phần:
Nước, rau củ tươi (18.5%) (hành tây, sà, tỏi, cà chua, riềng, gừng), đường mạch nha, muối, đường, đường ngô HFCS, nước mắm (cà, muối), chất làm dày (INS1422, INS415), dầu cọ, chiết xuất gà (1.72%) (thịt gà, hành, chất điều vị (INS640)), chiết xuất hành tây (maltodextrin, chiết xuất hành tây), chất điều vị (INS621, INS631, INS627), natri hương, chiết xuất bắp (bắp ngọt tươi, maltodextrin), chất bảo quản (INS202, INS211), tiêu, chất tạo màu tự nhiên (INS160c(i)).

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g

| | |
|---------------|--------------|
| Năng lượng | 139,5 (kcal) |
| Carbohydrat | 28,4 (g) |
| Chất đạm | 1,7 (g) |
| Chất béo | 2,1 (g) |
| Natri | 4762 (mg) |
| Đường tổng số | 12,9 (g) |



Hương dẫn sử dụng:

- Pha gói sốt 180 g với 1,7 lít nước cho món lẩu. Tuỳ theo khẩu vị có thể gia giảm lượng nước cho phù hợp.
- Có thể dùng chế biến đa dạng các món ngon: Canh rau củ, bún thang,...
- Pha gói sốt 180 g với 1,7 lít nước cho món lẩu. Tuỳ theo khẩu vị có thể gia giảm lượng nước cho phù hợp.
- Có thể dùng chế biến đa dạng các món ngon: Canh rau củ, bún thang,...

***** Mách Nhỏ *****

Có thể cho thêm dứa, cà chua, sà tươi... cho món ăn thêm hấp dẫn hơn.
Tuỳ theo khẩu vị, có thể thêm ớt hoặc sa-tê.

Hương dẫn bảo quản:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Dùng hết sau khi đã mở bao bì.

- Sản phẩm của: **CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM**
- Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Sản xuất tại: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG**
- Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Xuất xứ: Việt Nam
- Sản xuất theo số TCCS 50:2026/DAESANG

HSD: 12 tháng kể từ NSX
NSX: Xem trên bao bì



*Thông tin cảnh báo: Không sử dụng cho người dị ứng với bất cứ thành phần nào của sản phẩm.
Sản phẩm có chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ cá.*



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG

Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, Xã Cẩm Giàng

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2512200534-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00256779

Mã số Eol :

005-32410-629693

Tên mẫu :

SỐT LẤU HOÀN CHÍNH LẤU THẬP CẨM

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

22/12/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 07/01/2026

Thời gian thử nghiệm :

22/12/2025 - 07/01/2026

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|-----|--|-------------|---|-----------------------------|
| 1 | VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i> | /25 g | ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020 | Không phát hiện |
| 2 | VW030 VW (a) <i>Escherichia coli</i> | MPN/ g | TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015) | Không phát hiện (LOD=0) |
| 3 | VW00G VW (a) <i>Staphylococcus aureus</i> | cfu/ g | ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023 | Không phát hiện (LOD=10) |
| 4 | VW015 VW (a) <i>Coliforms</i> | cfu/ g | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) | Không phát hiện (LOD=10) |
| 5 | VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí | cfu/ g | ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022 | 4.5x10 ¹ |
| 6 | VW1P9 VW Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc | cfu/ g | N79-R-RD2-TP-30102 (Tham khảo. AOAC 2014.05) | Không phát hiện (LOD=10) |
| 7 | VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng | g/ 100 g | AOAC 991.43 | 0.96 |
| 8 | VW066 VW (a) Đạm | g/ 100 g | TCVN 10034:2013 | 1.77 |
| 9 | VW04K VW (a) pH value | | N79-R-RD1-TP-9758 (Tham khảo TCVN 4835:2002) | 5.15 |
| 10 | VW081 VW (a) Béo | g/ 100 g | N79-R-RD1-TP-9756 (2022) (Ref. TCVN 8136:2009 & TCVN 6555:2017) | 2.01 |
| 11 | VD668 VD (a) Hàm lượng chất khô | % | EVN-R-RD-2-TP-3496 | 45.7 |
| 12 | VW073 VW (a) Cadimi (Cd) | mg/ kg | AOAC 2015.01 | Phát hiện vết(<0.03) |
| 13 | VW067 VW (a) Ochratoxin A | µg/ kg | N79-R-RD1-TP-9395 (Tham khảo TCVN 12599:2018; EN 16007:2011) | Không phát hiện (LOD=0.5) |
| 14 | VDGE4 VD (a) Carbohydrat không bao gồm chất xơ | g/ 100 g | AOAC 2020.07 | 27.80 |
| 15 | VW07V VW (a) Muối (NaCl) | % | N79-R-RD1-TP-17839 (Tham khảo TCVN 3701:2009) | 12.1 |
| 16 | VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng) | kcal/ 100 g | FAO 2003 77 | 138 |
| 17 | VW071 VW (a) Arsen (As) | mg/ kg | AOAC 2015.01 | 0.04 |
| 18 | VW072 VW (a) Chì (Pb) | mg/ kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.017) |



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00256779

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|-----|-----------------------------|-----------|--|-----------------------------|
| 19 | VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg) | mg/ kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.007) |
| 20 | VWHGN VW (a) Aflatoxin B1 | µg/ kg | N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007) | Không phát hiện (LOD=0.5) |
| 21 | VWHGN VW (a) Aflatoxin tổng | µg/ kg | N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007) | Không phát hiện (LOD=0.5) |
| 22 | VD6ZP VD (a) Natri (Na) | mg/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23) | 4800 |

Phát hiện vết: kết quả \geq LOD và $<$ LOQ.
 LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
 LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
 Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 10/03/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 10/03/2026.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sac Ky Hai Dang.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-26-VD-005012-01/743-2025-00256779, xuất ngày 10/02/2026; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





AR-25-VD-237512-01-VI / EUVNHC-00385606- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG

Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, Xã Cẩm Giàng

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2511250510-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00233942

Mã số Eol :

005-32410-604518

Tên mẫu :

Sốt lấu hoàn chỉnh Lấu thập cẩm

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

26/11/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 05/12/2025

Thời gian thử nghiệm :

02/12/2025 - 05/12/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|-----|-------------------------|----------|--|----------------------------|
| 1 | VD4P0 VD (a) Đường tổng | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | 13.0 |
| 2 | VD4P0 VD (a) Fructose | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | 1.49 |
| 3 | VD4P0 VD (a) Glucose | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | 1.41 |
| 4 | VD4P0 VD (a) Lactose | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | Không phát hiện (LOD=0.15) |
| 5 | VD4P0 VD (a) Maltose | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | 1.18 |
| 6 | VD4P0 VD (a) Sucrose | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | 8.88 |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền BắcLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 10/02/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 10/02/2026.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sac Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sac Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sac Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

